



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 245./2019/LICOGI-CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v CBTT Báo cáo tài chính hợp
nhất (đã được kiểm toán) năm 2018
của Tổng công ty LICOGI-CTCP)

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8542 365
Fax: 043 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0905955896
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 (đã được kiểm toán) và Giải trình biến động lợi nhuận.

(Có Báo cáo TC và Giải trình kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào ngày 10/04/2019 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGĐ (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

Số: 244./CV-LICOGI

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 của BTCT hợp nhất sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố"

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 như sau:

1. Giải trình biến động lợi nhuận trước và sau kiểm toán năm 2018

Nội dung	ĐVT	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Biến động (%)
		(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
Tổng doanh thu	Tr. đồng	2.831.354	2.775.620	-1,97%
Tổng chi phí	Tr. đồng	2.748.451	2.715.002	-1,22%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	82.903	60.618	-26,88%
Thuế TNDN	Tr. đồng	10.711	14.091	31,56%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	72.192	46.527	-35,55%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 sau kiểm toán giảm 25,66 tỷ đồng so với số trước kiểm toán chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Điều chỉnh hồi tố theo quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 của Bộ xây dựng về quyết toán phần vốn nhà nước bàn giao sang công ty cổ phần.
- Kiểm toán viên điều chỉnh hồi tố giá vốn công trình thi công các năm trước tại Công ty Licogi 15 và Công ty Licogi 10.
- Một số công ty con, công ty liên kết điều chỉnh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau kiểm toán.

2. Giải trình kết quả kinh doanh năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017

Nội dung	Năm 2018	Năm 2017	Biến động (%)
	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
Tổng doanh thu	2.737.251	2.707.899	1%
Tổng chi phí	2.680.413	2.763.793	-3%
Thu nhập khác	11.428	13.293	-14%
Chi phí khác	34.589	31.035	11%
Lợi nhuận trước thuế	60.618	(43.648)	239%
Thuế TNDN	14.091	12.980	9%
Lợi nhuận sau thuế	46.527	(56.628)	182%

Lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 tăng 103,155 tỷ đồng với cùng kỳ năm 2017 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu HĐTC tăng 35,15% chủ yếu do nhận lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long tăng so với cùng kỳ năm 2017;
- Lợi nhuận từ liên kết Công ty CP Thủy điện Bắc hà tăng so với cùng kỳ năm 2017.
- Tổng chi phí năm 2018 giảm 3% so với năm 2017


3. Giải trình hồi tố:

- Điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính 1,9 tỷ đồng vào Công ty CP Licogi 12 theo Quyết định 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 của Bộ Xây dựng về giá trị thực tế vốn tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ-Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng sang Tổng Công ty Licogi-CTCP.
- Công ty Licogi 15 và Licogi 10 điều chỉnh hồi tố giá vốn một số công trình thi công từ những năm trước 2018

Theo đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại như sau:

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh phân loại lại	Chênh lệch
Giá vốn hàng bán	11	2,378,571,023,761	2,361,509,471,183	(17,061,552,578)
Chi phí tài chính	22	156,284,342,946	158,212,411,138	1,928,068,192
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(71,761,712,976)	(56,628,228,590)	15,133,484,386
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(66,389,065,481)	(57,091,059,130)	9,298,006,351
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	(5,372,647,495)	462,830,540	5,835,478,035



Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hải

Số: 243./CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018"

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngày 30/8/2018 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Trên báo cáo tài chính kiểm toán giữa niên độ năm 2018, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Tại Báo cáo kiểm toán số 060418.004/BCTC.KT2 ngày 06 tháng 04 năm 2018 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

1. Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận một phần doanh thu và giá vốn của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trước. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng đối với dự án này trong năm 2017 tăng lên lần lượt là 38,5 tỷ đồng và 15,7 tỷ đồng. Lỗ kế toán trước thuế trong năm 2017 sẽ giảm đi khoảng 22,81 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn của dự án này trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 8,9 tỷ đồng và 7,3 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 1,6 tỷ đồng.

2. Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì tại ngày 31/12/2017 số dư "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng 21,1 tỷ đồng, "Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án này sẽ tăng lên 14,2 tỷ đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2017 sẽ giảm khoảng 6,9 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trong đó một phần đã được ghi nhận doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong



năm 2018 tăng lên lần lượt là 21,1 tỷ đồng và 14,2 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 6,9 tỷ đồng.

3. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 290,31 tỷ đồng. Kiểm toán viên không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Ngoài ra, trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả ngắn hạn khác sẽ giảm 87,46 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án này với tổng giá trị là 51,03 tỷ đồng, nâng tổng giá trị vốn hóa lãi vay lũy kế của dự án này tính đến 31/12/2018 là 341,34 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

4. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này.

5. Tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Tại Công ty Licogi 15 nợ phải thu là 46,06 tỷ đồng và 84,29 tỷ đồng, Tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước nợ phải thu là 3,69 tỷ đồng và 6,22 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2017, một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Licogi 9, Công ty Cổ phần Licogi 17) chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 31/12/2017 sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng.

Trong năm 2018, một số khoản công nợ phải thu khó đòi đã tăng tuổi nợ tại một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm Công ty Cổ phần Licogi 9 và Công ty Cổ phần Licogi 17, Công ty Cổ phần Licogi 10). Tuy nhiên Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng bổ sung với tổng số tiền là 4,87 tỷ đồng. Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì "Lợi nhuận kế toán trước thuế" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ giảm đi 4,87 tỷ đồng.

3106
3 CÔ
0GI-
XUÂN

6. Tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 48,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 2 là 13,94 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 15 là 118,96 tỷ đồng và 134,14 tỷ đồng ;
- Tại Công ty Lắp máy Điện nước là 5,55 tỷ đồng và 14,45 tỷ đồng.

7. Kiểm toán viên không thể thực hiện được đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho khoảng 36,026 tỷ đồng.

Kiểm toán viên cũng không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 20 với số tiền là 32,25 tỷ đồng và 30,31 tỷ đồng.

Mặt khác, Công ty Licogi 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với số tiền 5,88 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung các chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho là 82,26 tỷ đồng.

8. Tại ngày 31/12/2017, Công ty con - Công ty Cổ phần Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017. Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Licogi 15 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2018. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi vay phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty Licogi 10 chưa ghi nhận khoản lãi vay phát sinh trong năm 2018 từ các khoản vay cá nhân với số tiền 326 triệu đồng vào chi phí trong năm. Nếu ghi nhận đầy đủ khoản lãi vay này thì chi phí lãi vay năm 2018 sẽ tăng lên và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không tiếp cận được với các tài liệu, hồ sơ ghi nhận doanh thu phát sinh tại Công ty Licogi 20 của một số công trình đang được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số tiền 18,55 tỷ đồng, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các chỉ tiêu doanh thu, công nợ phải thu và các chỉ tiêu liên quan khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

140-
IG T
CTC
I-TP H

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố. ✓

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hải



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-08
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	09-63
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13-14
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15-63
Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn	64-70
Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn	71-75

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Nền móng và Kỹ thuật Hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch	Quyết định nghỉ hưu ngày 25/12/2018
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên	
Ông Ung Tiến Đỗ	Ủy viên	Quyết định nghỉ hưu ngày 20/11/2018
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	
Ông Vũ Nguyên Vũ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2018
Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/07/2018
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2018
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP được lập ngày 31 tháng 03 năm 2019, từ trang 09 đến trang 63, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 060418.004/BCTC.KT2 ngày 06 tháng 04 năm 2018 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long và dự án Bất động sản Khu dân cư Licogi 17

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận một phần doanh thu và giá vốn của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trước. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng đối với dự án này trong năm 2017 tăng lên lần lượt là 38,5 tỷ đồng và 15,7 tỷ đồng. Lỗ kế toán trước thuế trong năm 2017 sẽ giảm đi khoảng 22,81 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn của dự án này trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 8,9 tỷ đồng và 7,3 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 1,6 tỷ đồng.

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì tại ngày 31/12/2017 số dư "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng 21,1 tỷ đồng, "Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án này sẽ tăng lên 14,2 tỷ đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2017 sẽ giảm khoảng 6,9 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trong đó một phần đã được ghi nhận doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 21,1 tỷ đồng và 14,2 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 6,9 tỷ đồng.

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 290,31 tỷ đồng. Kiểm toán viên không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Ngoài ra, trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả ngắn hạn khác sẽ giảm 87,46 tỷ đồng.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án này với tổng giá trị là 51,03 tỷ đồng, nâng tổng giá trị vốn hóa lãi vay lũy kế của dự án này tính đến 31/12/2018 là 341,34 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Dự án khu đô thị mới C5-C8 và C8 mở rộng

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này.

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Tại Công ty Licogi 15 nợ phải thu là 46,06 tỷ đồng và 84,29 tỷ đồng, Tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước nợ phải thu là 3,69 tỷ đồng và 6,22 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2017, một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Licogi 9, Công ty Cổ phần Licogi 17) chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 31/12/2017 sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng.

Trong năm 2018, một số khoản công nợ phải thu khó đòi đã tăng tuổi nợ tại một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm Công ty Cổ phần Licogi 9 và Công ty Cổ phần Licogi 17, Công ty Cổ phần Licogi 10). Tuy nhiên Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng bổ sung với tổng số tiền là 4,87 tỷ đồng. Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì "Lợi nhuận kế toán trước thuế" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ giảm đi 4,87 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 48,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 2 là 13,94 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 15 là 118,96 tỷ đồng và 134,14 tỷ đồng ;
- Tại Công ty Lắp máy Điện nước là 5,55 tỷ đồng và 14,45 tỷ đồng.

Hàng tồn kho và tài sản cố định

Kiểm toán viên không thể thực hiện được đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho khoảng 36,026 tỷ đồng.

Kiểm toán viên cũng không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 20 với số tiền là 32,25 tỷ đồng và 30,31 tỷ đồng.

Mặt khác, Công ty Licogi 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với số tiền 5,88 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung các chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho là 82,26 tỷ đồng.

Một số sai sót khác

Tại ngày 31/12/2017, Công ty con - Công ty Cổ phần Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017. Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Licogi 15 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2018. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi vay phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty Licogi 10 chưa ghi nhận khoản lãi vay phát sinh trong năm 2018 từ các khoản vay cá nhân với số tiền 326 triệu đồng vào chi phí trong năm. Nếu ghi nhận đầy đủ khoản lãi vay này thì chi phí lãi vay năm 2018 sẽ tăng lên và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không tiếp cận được với các tài liệu, hồ sơ ghi nhận doanh thu phát sinh tại Công ty Licogi 20 của một số công trình đang được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số tiền 18,55 tỷ đồng, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các chỉ tiêu doanh thu, công nợ phải thu và các chỉ tiêu liên quan khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.470 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 505,73 tỷ đồng chiếm 56,2% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.044.410.235.536	2.200.781.778.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	108.777.989.204	147.359.473.718
111	1. Tiền		77.014.593.664	110.580.326.893
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.763.395.540	36.779.146.825
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20.817.658.400	20.330.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.817.658.400	20.330.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.168.217.017.599	1.248.748.426.779
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.091.358.112.798	1.092.703.252.986
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	76.032.850.332	87.180.144.308
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	13.803.740.010	15.353.740.010
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	335.770.091.816	406.145.500.823
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(348.747.777.357)	(352.634.211.348)
140	IV. Hàng tồn kho	10	717.764.836.582	755.070.160.518
141	1. Hàng tồn kho		735.172.438.723	779.237.872.051
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.407.602.141)	(24.167.711.533)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.832.733.751	29.273.717.620
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	5.636.352.596	3.623.618.599
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.433.589.673	24.876.855.969
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	762.791.482	773.243.052

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

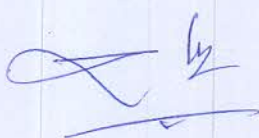
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.383.991.552.128	2.194.892.700.638
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		166.108.699.108	166.331.569.902
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	165.000.000.000	165.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.108.699.108	1.331.569.902
220	II. Tài sản cố định		461.660.515.249	497.523.509.935
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	434.097.206.422	469.924.710.708
222	- Nguyên giá		1.535.428.447.214	1.518.917.498.767
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.101.331.240.792)	(1.048.992.788.059)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	27.563.308.827	27.598.799.227
228	- Nguyên giá		29.335.455.521	29.335.455.521
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.772.146.694)	(1.736.656.294)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	2.663.302.754	2.663.302.754
231	- Nguyên giá		2.745.140.454	2.745.140.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.837.700)	(81.837.700)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	1.036.175.743.442	869.350.777.211
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		985.646.601.990	830.960.484.504
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		50.529.141.452	38.390.292.707
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	675.729.332.111	619.070.437.329
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		632.973.233.083	578.453.499.878
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		63.010.545.400	59.260.545.400
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(20.254.446.372)	(18.643.607.949)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		41.653.959.464	39.953.103.507
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	40.958.846.445	39.953.103.507
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		695.113.019	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.428.401.787.664	4.395.674.479.273

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

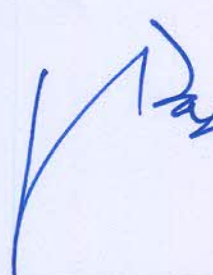
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.948.646.073.181	3.944.293.386.010
310	I. Nợ ngắn hạn		3.514.938.278.211	3.296.818.735.819
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	832.622.789.362	846.486.770.315
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	293.138.569.025	438.474.808.936
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	165.788.856.091	173.559.823.949
314	4. Phải trả người lao động		75.671.832.091	73.492.230.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	155.136.598.412	185.587.282.607
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	-	7.774.053.343
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	170.941.817.109	146.509.949.279
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	1.813.117.457.758	1.403.715.875.535
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	1.398.278.975	3.173.101.386
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.122.079.388	18.044.839.867
330	II. Nợ dài hạn		433.707.794.970	647.474.650.191
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	2.103.806.149	1.633.991.983
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	321.087.610.790	318.842.406.184
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	102.605.579.536	318.968.590.350
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.141.720.208	2.291.338.821
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	5.769.078.287	5.738.322.853
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		479.755.714.483	451.381.093.263
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	479.755.714.483	451.381.093.263
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		10.121.718.651	10.121.718.651
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(99.173.978.319)	(99.173.978.319)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		75.950.358.181	67.747.616.740
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.083.295.470	2.083.295.470
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(505.733.367.514)	(524.400.198.897)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(535.713.192.533)	(467.309.139.767)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		29.979.825.019	(57.091.059.130)
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		96.507.688.014	95.002.639.618
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.428.401.787.664	4.395.674.479.273


Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng
Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	2.601.068.030.086	2.606.759.252.234
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		879.005.046	306.883.963
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.600.189.025.040	2.606.452.368.271
11	4. Giá vốn hàng bán	27	2.325.126.542.284	2.361.509.471.183
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		275.062.482.756	244.942.897.088
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	137.061.528.697	101.446.980.095
22	7. Chi phí tài chính	29	112.421.025.433	158.212.411.138
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		109.385.952.427	141.986.916.271
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		26.941.137.205	29.988.228.677
25	9. Chi phí bán hàng	30	43.501.312.922	50.348.290.415
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	199.363.932.269	193.722.686.301
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.778.878.034	(25.905.281.994)
31	12. Thu nhập khác	32	11.428.243.025	13.292.535.767
32	13. Chi phí khác	33	34.589.294.140	31.035.255.578
40	14. Lợi nhuận khác		(23.161.051.115)	(17.742.719.811)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.617.826.919	(43.648.001.805)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	14.935.619.096	12.784.763.512
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(844.731.632)	195.463.273
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>46.526.939.455</u>	<u>(56.628.228.590)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		29.979.825.019	(57.091.059.130)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		16.547.114.436	462.830.540
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	333	(634)

Lê Thị Thanh Nội

Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTNăm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		60.617.826.919	(43.648.001.805)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		72.920.731.616	83.811.635.208
03	- Các khoản dự phòng		(10.779.771.937)	45.292.645.632
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(152.910.101)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(166.356.329.655)	(137.063.245.675)
06	- Chi phí lãi vay		109.385.952.427	141.986.916.271
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		65.635.499.269	90.379.949.631
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		86.000.619.026	(318.925.724.801)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(110.620.684.158)	(52.783.693.542)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(207.413.278.231)	305.529.128.778
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.018.476.935)	5.495.117.934
14	- Tiền lãi vay đã trả		(84.725.897.914)	(126.655.489.743)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.010.276.400)	(10.052.012.666)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.667.118	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.100.838.767)	(15.121.019.151)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(291.234.666.992)	(122.133.743.560)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(54.539.030.738)	(67.639.534.471)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		7.995.405.508	3.916.069.624
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.487.658.400)	(161.330.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21.550.000.000	150.310.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.328.596.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		133.424.490.699	101.589.425.163
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		59.614.611.069	26.845.960.316
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.614.080.267.474	2.632.703.981.484
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.421.041.696.065)	(2.585.220.715.667)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(7.352.348.853)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		193.038.571.409	40.130.916.964
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(38.581.484.514)	(55.156.866.280)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		147.359.473.718	202.516.339.998
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>108.777.989.204</u>	<u>147.359.473.718</u>

Lê Thi Thanh Nội
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Nền móng và Kỹ thuật Hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bu-đi-ên, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với các hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh thường kéo dài dưới 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nh

Trong năm 2018, một số đơn vị thành viên của Tổng Công ty hoạt động hiệu quả, đem lại nguồn lợi nhuận lớn trên báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên. Điều này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm trước

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đông Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	Hà Nội	89,82%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty con cấp 2

- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Đông Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

- **Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:**

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Bình Phước	20,40%	40,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Hung Yên	23,63%	45,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam)</i>	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)</i>	Hà Nam	48,48%	75,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licoji - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu trên báo cáo tài chính. Thông tin về nội dung và các khoản mục điều chỉnh hồi tố được Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 41 - "Số liệu so sánh".

Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty - Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 31/12/2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.470 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 505,73 tỷ đồng chiếm 56,2% vốn điều lệ. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty mẹ tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2018 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

05-
TY
HUUH
STO
3C
-TP-

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng công trình chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý và tài sản cố định vô hình khác	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước chi phí các công trình xây dựng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính, cụ thể:

- Đối với sản phẩm đúc, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu thực hiện trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.
- Đối với sản phẩm công trình giàn không gian, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành, bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể và từ 1% đến 4% doanh thu cho một số công trình có tính chất đặc thù.
- Đối với sản phẩm công trình lắp nhôm, kính, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,41% và 0,5% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng tỷ lệ dự phòng bảo hành nêu trên đã xây dựng trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nghĩa vụ bảo hành phát sinh thực tế tại Tổng Công ty và theo các quy định hiện hành.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước của hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

105
NG T
NHỆM
G KIẾ
AA
ANK

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	11.254.299.017	17.120.607.603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.760.294.647	93.459.719.290
Các khoản tương đương tiền	31.763.395.540	36.779.146.825
	<u>108.777.989.204</u>	<u>147.359.473.718</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.817.658.400	20.817.658.400	20.330.000.000	20.330.000.000
	<u>20.817.658.400</u>	<u>20.817.658.400</u>	<u>20.330.000.000</u>	<u>20.330.000.000</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2018			01/01/2018		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
						Giá trị ghi số theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết						349.325.660.604
- Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	Phú Thọ	26,42%	38.298.200.087
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Hà Nội	22,62%	2.009.338.056
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20,40%	40,00%	Bình Phước	20,40%	14.644.973.451
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (*)	Lào Cai	44,11%	44,11%	Lào Cai	44,09%	285.310.454.344
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Hưng Yên	23,63%	45,58%	Hưng Yên	23,63%	5.312.694.666
- Công ty Cổ phần Khách Phong Niên				Quảng Ngãi	20,83%	3.750.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh						229.127.839.274
- Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	Hà Nội	37,41%	229.127.839.274
						578.453.499.878

(*) Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà đang ghi nhận chi phí phạt chậm nộp các khoản thuế các năm trước với số tiền khoảng 4 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh năm 2018 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố vào kết quả kinh doanh các kỳ trước dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà giảm đi số tiền tương ứng. Mặt khác, Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà chưa ghi nhận khoản lãi chậm trả có thể phát sinh do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Licogi 18 do các bên chưa thống nhất được số liệu.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 40 .

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2018		01/01/2018			
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác		63.010.545.400	28.495.334.700	(20.254.446.372)	59.260.545.400	16.333.131.843	(18.643.607.949)
- Công ty Cổ phần Licogi 12	L12	7.895.068.192	2.386.800.000	(5.508.268.192)	7.895.068.192	3.401.190.000	(4.493.878.192)
- Công ty Cổ phần Licogi 13	L13	25.001.671.600	10.598.534.700	(14.403.136.900)	25.001.671.600	11.413.806.600	(13.587.865.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	L18	10.530.000.000	14.580.000.000	-	10.530.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh		13.753.805.608	(*)	-	13.753.805.608	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	PXL	780.000.000	930.000.000	-	780.000.000	690.000.000	(90.000.000)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin - Licogi		1.000.000.000	(*)	(85.673.179)	1.000.000.000	785.503.344	(214.496.656)
- Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi		300.000.000	(*)	(257.368.101)	300.000.000	42.631.899	(257.368.101)
- Công ty Cổ phần Gạch Phong Niên (1)		3.750.000.000	(*)	-	-	-	-
		63.010.545.400	28.495.334.700	(20.254.446.372)	59.260.545.400	16.333.131.843	(18.643.607.949)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá đóng của các cổ phiếu này tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Trong năm 2018, Công ty Cổ phần gạch Phong Niên tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ đồng lên 21 tỷ đồng dẫn đến tỷ lệ kiểm soát của Tổng Công ty giảm từ 20,83% xuống 17,85%. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại sang khoản đầu tư dài hạn khác.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
BQLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	18.911.229.000	-	39.981.066.639	-
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1 Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	70.463.462.337	-	146.650.212.125	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	106.894.875.842	-	88.597.615.310	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.682.331.835	(15.662.726.396)	15.662.726.396	(15.662.726.396)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	(12.572.632.461)	12.572.632.461	(12.572.632.461)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	8.266.093.861	-	7.497.042.065	-
Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập vào Licogi 2	11.557.564.409	(11.557.564.409)	11.557.564.409	(11.557.564.409)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.842.915.873	-	11.685.831.746	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	4.802.304.866	(1.486.008.779)	41.726.637.004	(1.486.008.779)
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	191.952.299.921	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Khai thác mỏ Tân Việt Bắc	12.398.365.185	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	610.752.442.369	(78.768.243.251)	695.510.329.992	(105.670.621.193)
	<u>1.091.358.112.798</u>	<u>(141.308.770.135)</u>	<u>1.092.703.252.986</u>	<u>(168.211.148.077)</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>5.802.304.866</u>	<u>(1.486.008.779)</u>	<u>41.950.637.004</u>	<u>(1.486.008.779)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Sáng	-	-	12.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí XL & TM Hải Thanh	4.402.202.184	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	71.630.648.148	(12.193.921.779)	75.140.144.308	(7.315.452.179)
	<u>76.032.850.332</u>	<u>(12.193.921.779)</u>	<u>87.180.144.308</u>	<u>(7.315.452.179)</u>
b) Dài hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (1)	165.000.000.000	-	165.000.000.000	-
	<u>165.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>165.000.000.000</u>	<u>-</u>
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>3.695.789.577</u>	<u>-</u>	<u>3.695.789.577</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

(1) Đây là số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 với mục đích để Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương đứng ra thay mặt Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu đô thị Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết tho đối tượng cho vay				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	13.803.740.010	-	15.353.740.010	-
	<u>13.803.740.010</u>	<u>-</u>	<u>15.353.740.010</u>	<u>-</u>
b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	<u>13.803.740.010</u>	<u>-</u>	<u>15.353.740.010</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

 Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
 Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	4.546.324.785	(3.624.299.293)	4.983.508.081	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.207.520.000	-	1.245.249.521	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	884.142.754	-	-	-
Phải thu người lao động	3.670.823.407	-	4.881.408.412	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.710.096	-	634.898.754	-
Tạm ứng	121.739.598.926	(37.550.487.315)	112.839.665.665	(25.034.897.454)
Ký cược, ký quỹ	8.588.864.270	-	10.601.534.896	-
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (1)	56.934.490.382	(54.986.617.577)	56.287.587.081	(54.986.617.577)
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	27.423.400.314	(27.423.400.314)	27.423.400.314	(27.423.400.314)
Phải thu BĐH Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	25.977.490.444	(25.493.403.949)
Phải thu liên quan đến Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(6.079.942.000)	6.079.942.000	(6.079.942.000)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (2)	18.241.013.260	(5.472.303.979)	18.512.222.910	(2.776.813.437)
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐT M Yên Thanh (3)	7.282.374.751	-	46.872.815.615	-
Phải thu khác	52.674.482.922	(34.614.631.017)	89.805.777.130	(31.688.237.068)
	335.770.091.816	(195.245.085.444)	406.145.500.823	(177.107.611.092)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.108.699.108	-	1.331.569.902	-
	1.108.699.108	-	1.331.569.902	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	4.579.718.912	-	4.454.407.118	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(1) Khoản mục này là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(2) Khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan tới số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án KĐT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm tuy nhiên Tổng Công ty mới bắt đầu trích lập dự phòng cho khoản phải thu này từ năm 2017 và số trích lập lũy kế đến 31/12/2018 là 5,5 tỷ đồng.

(3) Dự án Khu đô thị mới Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh do Công ty Licogi 2 thực hiện và đã bị Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Thành với số tiền được xác định là 46.872.815.615 đồng và sẽ được thanh toán khi Tổng Công ty bàn giao toàn bộ các hồ sơ liên quan đến dự án và đối chiếu kinh phí đã đầu tư vào dự án. Trong năm 2018, Công ty đã thu hồi được phần lớn khoản bồi thường này, số dư còn phải thu tại 31/12/2018 là 7.282.374.751 đồng.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	-	15.662.726.396	-
- Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	-	12.572.632.461	-
- Ban điều hành công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	18.241.013.260	12.768.709.281	18.512.222.910	15.735.409.473
- Phải thu BQL Dự án KĐT Thịnh Liệt	56.934.490.382	1.947.872.805	56.287.587.081	1.300.969.504
- Các khoản khác	231.410.204.010	18.111.705.854	267.319.880.615	47.439.457.926
	381.576.065.297	32.828.287.940	417.110.048.251	64.475.836.903

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	17.095.699.842	-	5.518.375.434	-
Nguyên liệu, vật liệu	109.106.781.367	(3.358.256.805)	114.461.499.177	(4.356.955.156)
Công cụ, dụng cụ	6.563.868.501	-	6.594.822.113	(15.586.977)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	519.039.427.555	(13.466.172.071)	560.928.296.438	(18.245.453.694)
Thành phẩm	81.971.181.875	(583.173.265)	91.235.088.924	(1.439.337.173)
Hàng hoá	1.395.479.583	-	499.789.965	(110.378.533)
	735.172.438.723	(17.407.602.141)	779.237.872.051	(24.167.711.533)

(*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang hoặc chi phí của các sản phẩm dở dang. Chi tiết như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án KĐTMT C5	11.230.909.091	11.230.909.091
Dự án KĐTMT Đồi T5	58.757.086.271	14.529.699.375
Dự án KĐTMT Nam Ga Hạ Long (1)	58.291.145.773	86.131.761.439
Dự án 423 Minh Khai	2.158.762.956	1.015.486.336
Dự án Khu dân cư Licogi 17 (2)	-	22.253.064.685
Công trình Thủy điện ĐắkĐrinh	28.390.205.657	31.164.163.033
Công trình Trụ sở Công an TP HCM	25.232.122.536	25.232.122.536
Công trình Đường sắt đô thị Ba Son	12.775.661.365	21.653.526.636
Công trình Thủy điện Đakre	10.951.659.000	12.813.730.864
Các công trình và sản phẩm dở dang khác	311.251.874.906	334.903.832.443
	519.039.427.555	560.928.296.438

(1) Dự án KĐTMT Nam Ga Hạ Long, Quảng Ninh hiện nay do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 thuộc Tổng Công ty thực hiện: Tính đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long với tổng doanh thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2017 là 154,96 tỷ đồng trong đó có một phần doanh thu được ghi nhận trên cơ sở nhận tiền trước. Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản này với tổng doanh thu và giá vốn lần lượt là 87,64 tỷ đồng và 61,04 tỷ đồng, lợi nhuận là 26,6 tỷ đồng.

(2) Dự án Khu dân cư Licogi 17 do Công ty Cổ phần Licogi 17 thực hiện: Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu cho Dự án này khoảng 21,1 tỷ đồng dựa trên số tiền thanh toán trước từ khách hàng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 14,2 tỷ đồng và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán từ các năm trước. Năm nay dự án này đã hoàn thành và bàn giao cho khách hàng nên không còn số dư.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng Công ty trong quá trình xây dựng mà có thời hạn thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trình bày theo các dự án như sau:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (1)	981.057.030.676	981.057.030.676	826.370.913.190	826.370.913.190
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	985.646.601.990	985.646.601.990	830.960.484.504	830.960.484.504

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	50.529.141.452	38.390.292.707
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (2)	9.671.801.536	9.647.644.263
- Chi phí đền bù hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp (3)	7.084.709.941	7.084.709.941
- Dự án mỏ đá Cà Ty	10.673.582.161	11.435.664.696
- Dự án dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng công nghệ ALPHASET	-	648.634.967
- Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy nhôm Đông Anh	20.876.736.542	317.914.000
- Chi phí xây dựng dở dang khác	2.222.311.272	9.255.724.840
	50.529.141.452	38.390.292.707

Ghi chú:

(1) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m² có chức năng chính là các khu ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở: thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.

Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong quá trình thi công, dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương công tác đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ quý 2/2017 đến quý 4/2019: Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số cụm công trình nhà ở xã hội.

- Giai đoạn 2 từ quý 1/2020 đến quý 4/2021: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hạng mục còn lại.

Hiện nay, dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1- thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

(2) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

(3) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m² tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng). Tổng Công ty đang có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng sang phân lô bán nền nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

111
NG
HIỆN
KIẾ
A
KIẾ

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trái, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	249.726.156.207	1.049.838.913.622	211.342.308.841	6.635.661.879	1.374.458.218	1.518.917.498.767
- Mua trong năm	39.500.000	24.699.477.175	6.837.224.563	293.445.454	-	31.869.647.192
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.591.635.620	2.746.382.767	-	-	-	4.338.018.387
- Tăng khác	71.500.000	501.700.000	491.402.440	176.520.000	-	1.241.122.440
- Thanh lý, nhượng bán	(1.211.369.916)	(10.815.351.415)	(8.640.528.718)	(101.241.818)	-	(20.768.491.867)
- Giảm tài sản không đủ điều kiện ghi nhận	-	(117.220.951)	-	(52.126.754)	-	(169.347.705)
Số dư cuối năm	250.217.421.911	1.066.853.901.198	210.030.407.126	6.952.258.761	1.374.458.218	1.535.428.447.214
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	144.839.160.888	726.331.008.481	170.261.040.680	6.187.119.792	1.374.458.218	1.048.992.788.059
- Khấu hao trong năm	10.837.664.842	49.376.369.429	12.172.518.370	498.688.575	-	72.885.241.216
- Tăng/giảm khác	-	256.718.430	(1.488.225.033)	145.136.850	-	(1.086.369.753)
- Thanh lý, nhượng bán	(908.132.422)	(9.798.374.994)	(8.485.708.030)	(101.241.818)	-	(19.293.457.264)
- Giảm tài sản không đủ điều kiện ghi nhận	-	(117.220.951)	-	(49.740.515)	-	(166.961.466)
Số dư cuối năm	154.768.693.308	766.048.500.395	172.459.625.987	6.679.962.884	1.374.458.218	1.101.331.240.792
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	104.886.995.319	323.507.905.141	41.081.268.161	448.542.087	-	469.924.710.708
Tại ngày cuối năm	95.448.728.603	300.805.400.803	37.570.781.139	272.295.877	-	434.097.206.422

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 209.023.228.888 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 612.085.749.667 đồng.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	28.583.669.806	221.785.715	530.000.000	29.335.455.521
Số dư cuối năm	<u>28.583.669.806</u>	<u>221.785.715</u>	<u>530.000.000</u>	<u>29.335.455.521</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.031.164.800	175.491.494	530.000.000	1.736.656.294
- Khấu hao trong năm	-	35.490.400	-	35.490.400
Số dư cuối năm	<u>1.031.164.800</u>	<u>210.981.894</u>	<u>530.000.000</u>	<u>1.772.146.694</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	27.552.505.006	46.294.221	-	27.598.799.227
Tại ngày cuối năm	<u>27.552.505.006</u>	<u>10.803.821</u>	<u>-</u>	<u>27.563.308.827</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 530.000.000 đồng.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với Nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty không tiếp tục trích khấu hao đối với tài sản này.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.722.593.677	531.192.481
Chi phí đi vay	326.313.476	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.587.445.443	3.092.426.118
	<u>5.636.352.596</u>	<u>3.623.618.599</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	18.986.384.429	20.892.545.362
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	-	3.870.366.444
Tiền thuê đất trả trước	4.721.917.094	6.942.367.748
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.178.137.763	5.005.422.742
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.072.407.159	3.242.401.211
	<u>40.958.846.445</u>	<u>39.953.103.507</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Licogi 12	-	-	4.170.897.901	4.170.897.901
Công ty Cổ phần Licogi 13	84.778.239.701	84.778.239.701	120.649.127.148	120.649.127.148
Công ty Cổ phần Licogi 16	44.518.436.687	44.518.436.687	44.385.573.178	44.385.573.178
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	25.403.729.985	25.403.729.985	36.893.302.220	36.893.302.220
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	22.943.507.113	22.943.507.113	26.042.801.293	26.042.801.293
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Việt Hải	69.338.988.325	69.338.988.325	61.789.649.318	61.789.649.318
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	17.118.834.082	17.118.834.082	11.527.195.395	11.527.195.395
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	11.795.665.990	11.795.665.990	28.729.553.757	28.729.553.757
Công ty TNHH 25/10	8.838.589.306	8.838.589.306	-	-
Phải trả các đối tượng khác	544.649.846.563	544.649.846.563	509.061.718.495	509.061.718.495
	832.622.789.362	832.622.789.362	846.486.770.315	846.486.770.315
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	1.432.899.716	1.432.899.716	5.803.797.617	5.803.797.617
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)</i>				

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	102.531.562.500	90.903.807.383
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình và Dự án Bình Giang	25.972.785.973	23.186.504.615
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô (*)	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	6.035.933.373	88.639.320.000
Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Licogi 17	-	31.309.161.124
Các đối tượng khác	127.891.163.639	173.728.892.274
	<u>293.138.569.025</u>	<u>438.474.808.936</u>

(*) Thông tin liên quan đến nội dung của khoản công nợ này được trình bày ở thuyết minh số 37- "Kiện tụng, tranh chấp pháp lý"

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	597.579.931	69.170.597.237	133.156.209.452	135.554.171.150	362.260.794	66.537.316.402	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	5.249.708.384	5.249.708.384	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15.932.509.321	14.616.352.046	19.010.276.400	-	-	19.010.276.400	4.328.248.960	-	-	11.538.584.967	-
Thuế Thu nhập cá nhân	12.104.499	1.317.177.015	5.165.864.958	4.328.248.960	21.149.099	2.163.837.613	4.328.248.960	21.149.099	2.163.837.613	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	4.296.297.567	2.637.604.983	5.165.683.127	-	-	5.165.683.127	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	2.784.709.078	7.049.646.923	7.724.905.836	-	-	7.724.905.836	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	128.040.500	652.175.925	671.682.225	-	-	671.682.225	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	697.535.874	697.535.874	-	-	697.535.874	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	163.558.622	79.930.493.231	4.103.692.392	2.687.095.269	379.381.589	81.562.913.321	2.687.095.269	379.381.589	81.562.913.321	-	-	-
	773.243.052	173.559.823.949	173.328.790.937	181.089.307.225	762.791.482	165.788.856.091	181.089.307.225	762.791.482	165.788.856.091			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

AA
KIỂM
3 KIE
42
CÔNG
HÀNH
111

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	67.404.674.915	42.744.620.402
- Chi phí phải trả các công trình xây dựng lớn	64.596.027.740	81.540.647.731
+ Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh)	7.531.367.262	9.590.901.684
+ Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	4.199.894.211	4.199.894.211
+ Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	3.173.671.294	3.239.771.294
+ Dự án 20 Cộng hòa Hồ Chí Minh	6.823.705.099	6.823.705.099
+ Công trình thủy điện Đăkrinh	16.072.791.214	16.072.791.214
+ Công trình thủy điện Lai châu	-	14.769.871.824
+ Công trình thủy điện Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.843.712.405
- Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	23.135.895.757	61.302.014.474
	155.136.598.412	185.587.282.607

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước dịch vụ	-	7.274.568.070
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	499.485.273
	-	7.774.053.343
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước xuất khẩu lao động	2.103.806.149	1.633.991.983
	2.103.806.149	1.633.991.983

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.276.668.688	4.889.563.922
- Bảo hiểm xã hội	43.524.574.949	36.088.074.067
- Bảo hiểm y tế	1.376.694.938	1.753.688.304
- Bảo hiểm thất nghiệp	852.081.431	958.867.908
- Phải trả về cổ phần hoá	14.342.961.818	14.379.895.847
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	105.518.835.285	88.439.859.231
	170.941.817.109	146.509.949.279

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.030.000.000	70.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (1)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (2)	87.498.564.715	87.498.564.715
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (3)	165.000.000.000	165.000.000.000
- Phải trả ông Nguyễn Đức Miêng	4.989.966.817	4.989.966.817
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.569.079.258	1.283.874.652
	<u>321.087.610.790</u>	<u>318.842.406.184</u>
c) Phải trả khác là các bên liên quan	<u>63.701.579.446</u>	<u>60.656.349.847</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

(1) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(2) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt với tổng số tiền là 90,6 tỷ đồng trong đó đã thanh toán 3,2 tỷ đồng, phần còn lại được ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả ngắn hạn khác là 87,498 tỷ đồng.

(3) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng công ty - Công ty mẹ để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương. Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương vẫn đang thực hiện các công việc như trong hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.196.956.273.563	1.196.956.273.563	2.224.921.144.493	1.891.652.965.389	1.530.224.452.667	1.530.224.452.667
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	571.030.564.873	571.030.564.873	739.569.358.690	477.879.873.441	832.720.050.122	832.720.050.122
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	61.332.542.024	61.332.542.024	117.299.038.154	147.243.453.546	31.388.126.632	31.388.126.632
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	249.697.166.924	249.697.166.924	947.256.815.689	851.983.521.828	344.970.460.785	344.970.460.785
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	82.456.848.297	82.456.848.297	139.932.560.040	139.680.941.639	82.708.466.698	82.708.466.698
- Công ty Cổ phần Licogi Quang Ngãi (5)	21.926.404.988	21.926.404.988	93.703.450.572	91.584.823.735	24.045.031.825	24.045.031.825
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	44.557.722.449	44.557.722.449	66.199.507.252	70.362.038.839	40.395.190.862	40.395.190.862
- Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	40.571.420.172	40.571.420.172	41.745.828.238	52.350.312.544	29.966.935.866	29.966.935.866
- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	8.014.147.000	8.014.147.000	40.792.357.966	600.000.000	48.206.504.966	48.206.504.966
- Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	35.785.584.331	35.785.584.331	1.556.613.798	1.361.923.760	35.980.274.369	35.980.274.369
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	67.146.804.364	67.146.804.364	35.931.311.346	50.119.090.114	52.959.025.596	52.959.025.596
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (11)	14.437.068.141	14.437.068.141	934.302.748	8.486.985.943	6.884.384.946	6.884.384.946

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	206.759.601.972	206.759.601.972	302.363.243.824	226.229.840.705	282.893.005.091	282.893.005.091
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	193.097.601.972	193.097.601.972	279.658.678.369	211.659.378.039	261.096.902.302	261.096.902.302
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	6.336.000.000	6.336.000.000	4.886.291.998	7.244.462.666	3.977.829.332	3.977.829.332
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	-	-	4.115.200.000	-	4.115.200.000	4.115.200.000
- Công ty Cổ phần Licogi Quang Ngãi (5)	3.667.000.000	3.667.000.000	3.788.076.000	3.667.000.000	3.788.076.000	3.788.076.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1.699.000.000	1.699.000.000	2.554.997.457	1.699.000.000	2.554.997.457	2.554.997.457
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	-	-	5.400.000.000	-	5.400.000.000	5.400.000.000
	1.403.715.875.535	1.403.715.875.535	2.527.284.388.317	2.117.882.806.094	1.813.117.457.758	1.813.117.457.758

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	432.943.343.134	432.943.343.134	352.321.750.021	500.797.281.341	284.467.811.814	284.467.811.814
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	6.678.515.436	6.678.515.436	-	2.515.407.888	4.163.107.548	4.163.107.548
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	12.735.480.000	12.735.480.000	18.604.749.747	7.244.462.666	24.095.767.081	24.095.767.081
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	15.538.440.311	15.538.440.311	-	6.923.840.311	8.614.600.000	8.614.600.000
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	11.035.593.288	11.035.593.288	-	3.667.000.000	7.368.593.288	7.368.593.288
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	8.339.069.253	8.339.069.253	11.212.741.013	7.412.738.470	12.139.071.796	12.139.071.796
- Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	828.000.000	828.000.000	-	828.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	22.622.750.900	22.622.750.900	7.019.882.200	-	29.642.633.100	29.642.633.100
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	15.007.000.000	15.007.000.000	-	-	15.007.000.000	15.007.000.000
	525.728.192.322	525.728.192.322	389.159.122.981	529.388.730.676	385.498.584.627	385.498.584.627
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(206.759.601.972)	(206.759.601.972)	(302.363.243.824)	(226.229.840.705)	(282.893.005.091)	(282.893.005.091)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	318.968.590.350	318.968.590.350			102.605.579.536	102.605.579.536

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay được thuyết minh tại Phụ lục 01 và phụ lục 02 đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.398.278.975	3.173.101.386
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	677.419.379	2.053.503.232
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	720.859.596	1.119.598.154
	<u>1.398.278.975</u>	<u>3.173.101.386</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.769.078.287	5.738.322.853
	<u>5.769.078.287</u>	<u>5.738.322.853</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	10.121.718.651	(79.682.858.319)	58.975.299.808	2.074.997.571	(448.389.041.757)	112.419.324.748	555.519.440.702								
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(57.091.059.130)	462.830.540	(56.628.228.590)								
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.772.316.932	8.297.899	(19.672.836.049)	(3.300.488.533)	(14.192.709.751)								
- Công ty Licogi 9	-	-	-	443.413.380	-	(973.323.388)	(509.129.223)	(1.039.039.231)								
- Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	354.759.836	8.297.899	(1.988.195.104)	(1.634.557.660)	(3.259.695.029)								
- Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	(137.608.851)	(100.828.380)	(238.437.231)								
- Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	7.974.143.716	-	(16.573.708.706)	(1.055.973.270)	(9.655.538.260)								
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.305.852.500)	(15.305.852.500)								
- Công ty Licogi 9	-	-	-	-	-	-	(3.325.095.900)	(3.325.095.900)								
- Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	-	(395.808.000)	(395.808.000)								
- Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	-	-	-	(5.085.450.000)	(5.085.450.000)								
- Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	-	(6.299.458.600)	(6.299.458.600)								
- Công ty Licogi Quảng Ngãi	-	-	-	-	-	-	(200.040.000)	(200.040.000)								
Điều chỉnh chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa giai đoạn trước (*)	-	-	(19.491.120.000)	-	-	-	-	(19.491.120.000)								
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	752.738.039	1.479.563.402								
Số dư cuối năm trước	900.000.000.000	10.121.718.651	(99.173.978.319)	67.747.616.740	2.083.295.470	(524.400.198.897)	95.002.639.618	451.381.093.263								
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	10.121.718.651	(99.173.978.319)	67.747.616.740	2.083.295.470	(524.400.198.897)	95.002.639.618	451.381.093.263								
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	29.979.825.019	16.547.114.436	46.526.939.455								
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.202.741.441	-	(11.681.009.641)	(15.395.650.045)	(18.873.918.245)								
- Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	(45.253.858)	(181.586.282)	(226.840.140)								
- Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	(770.826.394)	(2.136.145.264)	(2.906.971.658)								
- Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	7.948.328.451	-	(7.948.328.451)	(10.170.900.000)	(10.170.900.000)								
- Công ty Licogi 9	-	-	-	254.412.990	-	(616.600.938)	(2.811.018.499)	(3.173.206.447)								
- Công ty tư vấn Licogi	-	-	-	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)								
- Công ty Licogi 2	-	-	-	-	-	(2.300.000.000)	-	(2.300.000.000)								
Tăng khác	-	-	-	-	-	368.016.005	353.584.005	721.600.010								
Số dư cuối năm nay	900.000.000.000	10.121.718.651	(99.173.978.319)	75.950.358.181	2.083.295.470	(505.733.367.514)	96.507.688.014	479.755.714.483								

(*) Khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất các kỳ trước, Tổng Công ty không thực hiện điều chỉnh chênh lệch đánh giá lại tài sản khoản đánh giá lại tài sản khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Licogi 14 khi cổ phần hóa. Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định điều chỉnh sai sót này vào khoản mục "chênh lệch đánh giá lại tài sản" của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Đầu năm</u> VND
Bộ Xây dựng	0,00%	-	40,71%	366.406.910.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	0,00%	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	22,24%	200.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	2,05%	18.464.210.000
	<u>100%</u>	<u>900.000.000.000</u>	<u>59%</u>	<u>900.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	900.000.000.000	900.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	900.000.000.000	900.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển	75.950.358.181	67.747.616.740
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.083.295.470	2.083.295.470
	<u>78.033.653.651</u>	<u>69.830.912.210</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
 Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty ký các hợp đồng với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, các đơn vị thành viên phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	-	2,21
- Đồng Euro (EUR)	-	94,99
- Đồng Yên Nhật (JPY)	341,99	105.940,00

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	1.429.020.566.552	1.311.820.656.896
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.603.337.248	32.520.851.549
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.020.457.665.850	1.175.519.032.868
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	122.715.507.598	84.361.655.950
Doanh thu hoạt động khác	270.952.838	2.537.054.971

2.601.068.030.086 **2.606.759.252.234**

Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)

1.155.915.455 **196.363.637**

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng đã bán	1.292.429.855.493	1.178.590.133.117
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.561.119.613	21.354.563.123
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	929.068.171.564	1.094.893.823.021
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	88.515.121.326	62.537.041.226
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.760.109.392)	-
Giá vốn của hoạt động khác	312.383.680	4.133.910.696

2.325.126.542.284 **2.361.509.471.183**

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.449.823.269	8.861.927.742
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	6.398.204	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.821.080.663	92.178.304.442
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	253.089.682	241.219.711
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	152.910.101	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.378.226.778	165.528.200
	<u>137.061.528.697</u>	<u>101.446.980.095</u>

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	109.385.952.427	141.986.916.271
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.333.003.545	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	91.220.038	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.610.838.423	14.330.036.543
Chi phí tài chính khác	11.000	1.895.458.324
	<u>112.421.025.433</u>	<u>158.212.411.138</u>

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.547.019.052	35.287.906
Chi phí nhân công	17.477.426.247	15.393.140.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	667.022.290	621.986.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.420.189.436	14.298.257.891
Chi phí khác bằng tiền	11.812.204.233	17.394.074.130
Chi phí bảo hành	677.419.379	3.254.445.624
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(2.099.967.715)	(648.902.289)
	<u>43.501.312.922</u>	<u>50.348.290.415</u>

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.865.696.738	8.996.437.325
Chi phí nhân công	105.314.278.561	100.352.497.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.056.017.331	11.550.448.411
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(3.886.433.991)	4.934.684.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.019.384.662	10.269.662.250
Chi phí khác bằng tiền	57.994.988.968	57.618.956.778
	<u>199.363.932.269</u>	<u>193.722.686.301</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.144.288.518	6.216.056.764
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	629
Tiền phạt thu được	163.126.500	53.933.000
Thuế được giảm	81.650.940	-
Thu nhập khác	7.039.177.067	7.022.545.374
	<u>11.428.243.025</u>	<u>13.292.535.767</u>

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	181.271.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm thời không sử dụng	18.991.007.244	12.395.225.992
Các khoản bị phạt	10.144.460.578	9.674.221.596
Chi phí khác	5.453.826.318	8.784.536.040
	<u>34.589.294.140</u>	<u>31.035.255.578</u>

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Tổng Công ty - Công ty mẹ</i>	-	716.354.028
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh</i>	856.106.074	948.088.899
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi</i>	4.295.496.742	6.431.983.493
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi</i>	63.520.165	53.631.598
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)</i>	902.335.937	1.394.321.593
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)</i>	-	609.076.819
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi 17</i>	857.931.237	2.317.598
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)</i>	7.949.578.456	2.608.642.000
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi</i>	10.650.485	20.347.484
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>14.935.619.096</u>	<u>12.784.763.512</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	29.979.825.019	(57.091.059.130)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	29.979.825.019	(57.091.059.130)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	333	(634)

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.777.989.204	-	147.359.473.718	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.428.236.903.722	(336.553.855.579)	1.500.180.323.711	(345.318.759.169)
Các khoản cho vay	34.621.398.410	-	35.683.740.010	-
Đầu tư dài hạn	44.206.739.792	(19.911.405.092)	44.206.739.792	(18.171.743.192)
	1.615.843.031.128	(356.465.260.671)	1.727.430.277.231	(363.490.502.361)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.915.723.037.294	1.722.684.465.885
Phải trả người bán, phải trả khác	1.324.652.217.261	1.311.839.125.778
Chi phí phải trả	155.136.598.412	185.587.282.607
	3.395.511.852.967	3.220.110.874.270

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư dài hạn	-	24.295.334.700	-	24.295.334.700
	<u>-</u>	<u>24.295.334.700</u>	<u>-</u>	<u>24.295.334.700</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư dài hạn	-	26.034.996.600	-	26.034.996.600
	<u>-</u>	<u>26.034.996.600</u>	<u>-</u>	<u>26.034.996.600</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.777.989.204	-	-	108.777.989.204
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.090.574.349.035	1.108.699.108	-	1.091.683.048.143
Các khoản cho vay	34.621.398.410	-	-	34.621.398.410
	<u>1.233.973.736.649</u>	<u>1.108.699.108</u>	<u>-</u>	<u>1.235.082.435.757</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.359.473.718	-	-	147.359.473.718
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.153.529.994.640	1.331.569.902	-	1.154.861.564.542
Các khoản cho vay	35.683.740.010	-	-	35.683.740.010
	<u>1.336.573.208.368</u>	<u>1.331.569.902</u>	<u>-</u>	<u>1.337.904.778.270</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	1.813.117.457.758	102.605.579.536	-	1.915.723.037.294
Phải trả người bán, phải trả khác	1.003.564.606.471	321.087.610.790	-	1.324.652.217.261
Chi phí phải trả	155.136.598.412	-	-	155.136.598.412
	<u>2.971.818.662.641</u>	<u>423.693.190.326</u>	<u>-</u>	<u>3.395.511.852.967</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	1.403.715.875.535	318.968.590.350	-	1.722.684.465.885
Phải trả người bán, phải trả khác	992.996.719.594	318.842.406.184	-	1.311.839.125.778
Chi phí phải trả	185.587.282.607	-	-	185.587.282.607
	<u>2.582.299.877.736</u>	<u>637.810.996.534</u>	<u>-</u>	<u>3.220.110.874.270</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty - Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp. Theo bản án số 15/2017/KDTM-ST ngày 14/09/2017 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/09/2017 Tổng Công ty - Công ty mẹ đã làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên và đang chờ các bên liên quan giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng tuy nhiên đến ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án và đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh Xây lắp		Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng		Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác		Hoạt động kinh doanh khác		Loại trừ VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.020.457.665.850	1.428.141.561.506	151.589.797.684	2.600.189.025.040	-	-	-	-	-	2.600.189.025.040	
Chi phí bộ phận trực tiếp	929.068.171.564	1.285.669.746.101	110.388.624.619	2.325.126.542.284	-	-	-	-	-	2.325.126.542.284	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	91.389.494.286	142.471.815.405	41.201.173.065	275.062.482.756	-	-	-	-	-	275.062.482.756	
Tổng chi phí mua TSCĐ	17.861.638.365	30.484.875.959	-	48.346.514.324	-	-	-	-	-	48.346.514.324	
Tài sản bộ phận	1.420.688.937.528	1.988.269.563.309	211.044.471.338	3.620.002.972.175	-	-	-	-	-	3.620.002.972.175	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	808.398.815.489	-	-	-	-	-	808.398.815.489	
Tổng tài sản	1.420.688.937.528	1.988.269.563.309	211.044.471.338	4.428.401.787.664	-	-	-	-	-	4.428.401.787.664	
Nợ phải trả bộ phận	1.546.031.000.470	2.163.687.138.661	229.664.134.454	3.939.382.273.585	-	-	-	-	-	3.939.382.273.585	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	9.263.799.596	-	-	-	-	-	9.263.799.596	
Tổng nợ phải trả	1.546.031.000.470	2.163.687.138.661	229.664.134.454	3.948.646.073.181	-	-	-	-	-	3.948.646.073.181	

Theo khu vực địa lý

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CHIA AN DAN

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư trọng yếu tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu		1.155.915.455	196.363.637
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	130.909.092	196.363.637
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	1.025.006.363	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		7.253.476.212	92.909.171.423
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	7.253.476.212	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	-	81.909.171.423
Thu lãi vay		1.308.449.000	1.579.731.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	1.308.449.000	1.579.731.000
Cổ tức được nhận		128.248.060.663	93.926.365.807
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	1.914.116.947	3.745.251.865
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh	126.333.943.716	90.181.113.942
Góp vốn đầu tư		28.328.596.000	-
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên doanh	4.554.760.000	-
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên doanh	23.773.836.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		5.802.304.866	41.950.637.004
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	5.802.304.866	41.726.637.004
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	-	224.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp		3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu khác		4.579.718.912	4.454.407.118
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	242.006.457	116.694.663
Phải thu về cho vay		13.803.740.010	15.353.740.010
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	Công ty liên kết	13.803.740.010	15.353.740.010
Phải trả người bán ngắn hạn		1.432.899.716	5.803.797.617
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	1.432.899.716	1.632.899.716
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	-	4.170.897.901
Vay ngắn hạn		117.340.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	117.340.000.000	6.000.000.000

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phải trả khác		60.000.000.000	60.018.688.206
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	-	18.688.206
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	60.000.000.000	60.000.000.000
Lãi vay phải trả		3.701.579.446	637.661.641
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	3.701.579.446	637.661.641

(* Ông Dương Xuân Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 12. Ông Quang cũng đã nhận quyết định nghỉ hưu từ ngày 25/12/2018.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	720.000.000	364.500.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.599.101.036	3.082.144.951

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ trên Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và Báo cáo Thẩm tra của Ban chỉ đạo CPH về giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và Báo cáo tài chính tại các đơn vị thành viên của Tổng Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018.

Theo đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm VND</u>	<u>Số liệu điều chỉnh phân loại lại VND</u>	<u>Chênh lệch VND</u>	<u>Ghi chú</u>
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất					
Phải thu ngắn hạn khác	136	410.585.903.684	406.145.500.823	(4.440.402.861)	(1)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	252.180.144.308	87.180.144.308	(165.000.000.000)	(2)
Hàng tồn kho	141	762.176.319.473	779.237.872.051	17.061.552.578	(3)
Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	165.000.000.000	165.000.000.000	(2)
Tài sản cố định hữu hình	221	463.561.442.424	469.924.710.708	6.363.268.284	(1)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	57.332.477.208	59.260.545.400	1.928.068.192	(1)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(16.715.539.757)	(18.643.607.949)	(1.928.068.192)	(1)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	846.530.627.473	846.486.770.315	(43.857.158)	(1)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	186.080.282.607	185.587.282.607	(493.000.000)	(1)
Phải trả ngắn hạn khác	319	454.330.938.311	146.509.949.279	(307.820.989.032)	(1,2)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17.926.462.267	18.044.839.867	118.377.600	(1)
Phải trả dài hạn khác	337	6.343.841.469	318.842.406.184	312.498.564.715	(2)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(98.765.815.809)	(99.173.978.319)	(408.162.510)	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(533.698.205.248)	(524.400.198.897)	9.298.006.351	(3)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,
 Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Giá vốn hàng bán	11	2.378.571.023.761	2.361.509.471.183	(17.061.552.578)	(3)
Chi phí tài chính	22	156.284.342.946	158.212.411.138	1.928.068.192	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60	(71.761.712.976)	(56.628.228.590)	15.133.484.386	(1,3)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	(66.389.065.481)	(57.091.059.130)	9.298.006.351	(1,3)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	(5.372.647.495)	462.830.540	5.835.478.035	(1,3)

(1) Điều chỉnh theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12/11/2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước.

(2) Phân loại các khoản mục theo kỳ hạn của nợ phải trả.

(3) Điều chỉnh ảnh hưởng do điều chỉnh hồi tố giá vốn tại Công ty Licogi 15 và Công ty Licogi 10



Lê Thị Thanh Nội
 Người lập



Nguyễn Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trãi, Quận Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	Thả nổi	92.676.769.154	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng máy móc thiết bị và số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi - CTCP.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	8%/năm	49.969.895.255	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng Công ty và các chi nhánh phụ thuộc.
	3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	9,5%/năm	13.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty.
	4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Thả nổi	10.095.576.567	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng quyền khai thác mỏ đá với làm vật liệu xây dựng tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
	5	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	297.428.972.062	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bằng 2.717.573 cổ phiếu Công ty CP Licogi 13; 10.009.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và một số tài sản cố định khác.
	6	Tổng Công ty Sông Đà	20%/năm	16.815.763.517	Đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà	Được đảm bảo bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ.
	7	Vay huy động khác	9%/năm	170.914.518.013	Bổ sung vốn lưu động hoặc triển khai đầu tư các dự án xây dựng	Không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty LicoGI-CTCF (Công ty mẹ) (1)	8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	8%/năm	85.000.000.000	Thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty - Công ty mẹ	Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh.
	9	Công ty TNHH HAKUBA	14%/năm	51.730.555.554	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà phát hành. Giá trị cổ phiếu thế chấp là 80.000.000.000 đồng.
	10	Ông Nguyễn Xuân Thắng	8,5%/năm	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty - Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9).
	11	Công ty TNHH MTV YAMAGATA	14%/năm	24.588.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 8.000.000.000 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi phát hành.
	Tổng cộng			832.720.050.122		



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCG

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	16.299.931.101	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở Thư tín dụng L/C	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lương Sơn	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	4.500.000.000	Vay vốn lưu động phục vụ xây dựng các công trình dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, buôn bán vật liệu xây dựng	Đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty với tổng giá trị 7.055.727.280 đồng.
	3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đoàn Hùng	6,5%/năm	4.438.628.060	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất tại Công ty Đầu tư Phát triển và VLXD Đông Anh 9. Tổng giá trị: 6.810.000.000 đồng và một số tài sản khác giá trị 1.792.600.000 đồng
	4	Vay huy động vốn cá nhân và các đối tượng khác	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	6.149.567.471	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			31.388.126.632		
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	40.608.931.491	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	53.402.593.645	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.



Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	123.207.506.823	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho thi công dự án nhà máy thép Hòa Phát - Dung Quất, Quảng Ngãi theo Hợp đồng thi công lắp dựng số 221.2017.HPDQ-CKDA ngày 30/11/2017	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, nhà xưởng và quyền phải thu.
	4	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	28.448.016.337	Phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhôm, đúc cơ khí, kết cấu thép và giàn không gian	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị thế chấp tối thiểu là 19.000.000.000 đồng và các tài sản khác theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.
	5	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	99.303.412.489	Bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu dịch vụ thương mại	Hợp đồng cầm cố tiền gửi cho giá trị là 10% giá trị tiền ịch, thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị là 42.750.000.000 đồng và quyền phải thu với giá trị là 47.250.000.000 đồng.
		Tổng cộng		344.970.460.785		

6/11/2018
 CH
 ANH
 A

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	31.893.872.223	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán phục vụ cho SX kinh doanh	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.
	2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	49.975.050.361	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết và tài sản vẫn phòng công trình hình thành từ dự án được xây dựng trên các khu đất
	3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	839.544.114	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là tiền ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá; trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc; hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng khác; bất động sản, phương tiện vận tải; giá trị sản lượng dở dang và quyền đòi nợ hình thành từ phương án.
	Tổng cộng			82.708.466.698		
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ngãi	Xác định theo từng Hợp đồng cụ thể	23.445.031.825	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bởi các Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác khoáng sản và tài sản hình thành trong tương lai.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	11%/năm	600.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			24.045.031.825		

TỔNG CÔNG TY LICOGLI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	34.167.497.194	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	8,5%/năm	6.227.693.668	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			40.395.190.862		
Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương	Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ	19.984.198.267	Bổ sung vốn lưu động	Các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tài sản khác thuộc bên thứ ba.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	1,16%/năm	9.982.737.599	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			29.966.935.866		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	1	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	10%/năm	6.000.000.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	2	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản MIK HOME	10%/năm	40.092.357.966	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua 11 căn hộ chung cư tại Dự án Khu nhà ở cao tầng, văn phòng làm việc và nhà ở thấp tầng tại Thịnh Liệt.	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			100.459.088.832		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	3	Vay huy động vốn cá nhân	10 - 12%/ năm	2.114.147.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			48.206.504.966		
	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	20.702.759.000	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	15.277.515.369	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			35.980.274.369		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	8,5%/năm	19.417.108.511	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thi công công trình, xử lý nền móng	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty theo từng Hợp đồng thế chấp cụ thể với Ngân hàng.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Quy định tại từng văn bản nhận Nợ	33.541.917.085	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng.
Tổng cộng				52.959.025.596		
Công ty Cổ phần Láp máy Điện nước (11)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Thả nổi có điều chỉnh	4.900.956.630	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	9% - 9,5%/năm	1.983.428.316	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
Tổng cộng				6.884.384.946		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	9.939.260.000	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	25.935.842.316	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự được hình thành trong tương lai; số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác; doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng.
	3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Thả nổi	248.592.709.498	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đã hình thành và hình thành trong tương lai.
	Tổng cộng			284.467.811.814		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Huyện Lương Sơn	Thả nổi	200.601.558	Mua xe đầu kéo HOWO và Sơ mi rơ moóc 13m	Được đảm bảo theo hợp đồng số 10/2015.
	2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hòa Bình	Thả nổi	123.833.806	Tài trợ tiền thanh toán mua 1 xe nâng dầu theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/0317/HĐMB ngày 01/03/2017	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	3	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Thả nổi	112.416.524	Mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại	Được đảm bảo bởi 1 xe ô tô pickup, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MITSUBISHI, màu xám, sản xuất năm 2014 và các tài sản đảm bảo khác cho toàn bộ nghĩa vụ nợ.
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Thả nổi	3.726.255.660	Đầu tư nâng cấp cải tạo dây chuyền sản xuất tấm lợp AC số 01 giai đoạn 1 tại xí nghiệp tấm lợp AC Đông Anh, Hà Nội	Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	Tổng cộng			4.163.107.548		
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	5.439.317.334	Thanh toán các chi phí hợp lý cho Dự án Đầu tư dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng bằng công nghệ Alphaset công suất 2.000 tấn/năm	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được giao kết.

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	2	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	14.542.449.747	Thanh toán các chi phí Đàm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo hợp lý đầu tư hợp pháp các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được của Dự án Đầu tư mở giao kết, trong đó có Hợp đồng bảo đảm số rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhóm 18/2018/HĐBB/NHCT144-CKDA ngày 11/05/2018.	
	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	4.114.000.000	Đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị gia công chế tạo giàn không gian năm 2015	Bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ vốn tự có của Công ty và từ vốn vay Ngân hàng.
	Tổng cộng			24.095.767.081		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	7,80%	2.245.000.000	Thanh toán tiền mua 4 xe trộn bê tông HOWO/SINOTRUK dung tích bồn trộn 10m ³ ; Hợp đồng mua bán số 1010/SV/HĐMB/2017 ngày 23/10/2017	Được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của 04 xe trộn bê tông HOWO/SINOTRUK dung tích bồn trộn 10m ³ với giá trị thế chấp là 4.560 triệu đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	10,60%	4.650.000.000	Đầu tư dự án nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m ³ /h và trạm trộn đá đảm cấp phối 100m ³ /h; Các hợp đồng đảm bảo khác được giao kết cùng ngày hoặc sau ngày ký hợp đồng tín dụng này.	Được đảm bảo bằng toàn bộ dự án "Nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m ³ /h và trạm trộn đá đảm cấp phối 100m ³ /h; Các hợp đồng đảm bảo khác được giao kết cùng ngày hoặc sau ngày ký hợp đồng tín dụng này.
	3	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	7,60%	1.719.600.000	Thanh toán tiền mua xe ô tô con Mercedes-Benz E300 AMG mới 100% theo Hợp đồng bán hàng số 534/2017/HĐBH ngày 11/10/2017	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với tổng giá trị tài sản tạm tính 2.580.000.000 đồng.
	Tổng cộng			8.614.600.000		
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	Thả nổi	7.368.593.288	Tài trợ dự án đầu tư hệ thống dàn giáo, đá đỡ và vốn tự có của dự án hệ thống dàn giáo, đá đỡ phục vụ thi công và khai thác mỏ núi đá Cà Ty, xã Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án hệ thống dàn giáo, đá đỡ phục vụ thi công và khai thác mỏ núi đá Cà Ty, xã Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi số 02/2015/711559/HĐBD ngày 01/10/2015.
	Tổng cộng			7.368.593.288		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng	Quy định tại từng văn bản nhận nợ	12.139.071.796	Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất, mua từ vốn vay.	Bảo đảm bằng các máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
	Tổng cộng			12.139.071.796		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - C.TCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2018 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	Thả nổi	5.601.441.000	Đầu tư xây dựng chung cư đời T5	Quyền sử dụng đất và tài sản là nhà ở hình thành trong tương lai thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà chung cư đời T5
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Theo lãi suất TG có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hạ Long	24.041.192.100	Triển khai đầu tư dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng và căn hộ tại lô CT7 - Khu đô thị Thịnh Liệt	Quyền mua căn hộ tại dự án.
	Tổng cộng			29.642.633.100		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Tây Hà Nội	9,5%/năm	13.500.000.000	Đầu tư 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;	Bao đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng theo lãi suất của Ngân hàng BIDV	1.507.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			15.007.000.000		
		Tổng cộng		385.498.584.627		

